

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH NÔNG SẢN
KIÊN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC VÀO NGÀY 31/12/2016**



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2016	5 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho niên độ kết thúc Vào ngày 31/12/2016	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc Vào ngày 31/12/2016	10 - 11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc Vào ngày 31/12/2016	12 - 25

0.03
TRẮC
S
H TH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Kinh doanh Nông sản Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Các thông tin chung

Công ty cổ phần Kinh doanh Nông sản Kiên Giang tiền thân là Xí nghiệp Chế biến Nông sản xuất khẩu trực thuộc Công ty Du lịch Thương mại Kiên Giang chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Quyết định 2762/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000122 ngày 18 tháng 01 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 2 số 1700566610 ngày 19 tháng 05 năm 2011, Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29 tháng 11 năm 2013, Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 04 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 44.000.000.000 đồng

Vốn kinh doanh thực tế đã góp đến ngày 31/12/2016: 44.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 12 Lý Tự Trọng, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: Xây xát. Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (không kinh doanh thuốc trừ sâu và hóa chất). Bán buôn bao bì xuất nhập khẩu các loại. Bán buôn cà phê, chè, thủy sản, rau, quả. Bán buôn sắt thép. Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa). Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan. Bán buôn than đá và các nhiên liệu rắn khác. Đại lý, môi giới.

2. Thành viên của Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Võ Tấn Hiệp	Giám đốc
Ông Trần Văn Trường	Phó Giám đốc
Ông Mạc Kinh Hùng	Phó Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2016 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 cho Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực / Chế độ kế toán Việt Nam.

Kiên Giang, ngày 07 tháng 02 năm 2017

Giám đốc *[Signature]*



VÕ TẤN HIỆP



Số: 1614/SVC-CN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Nông Sản Kiên Giang, được lập ngày 07 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

50-
IÁN
TY
HỮU
DÁN
IẾT
HỒ



Cơ sở ý kiến loại trừ

Như được trình bày tại mục 5.2(d) của thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa trích lập và ghi nhận đầy đủ chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, với số tiền là 7.451.560.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “cơ sở ý kiến loại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Nông Sản Kiên Giang tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2017

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt



NGUYỄN VĂN NGÀ

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0703-2013-107-1

KIỂM TOÁN VIÊN

PHẠM VĂN GIỚI

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0178-2013-107-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72.261.066.082	94.540.504.710
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	5.1	19.969.176.401	38.177.809.420
1. Tiền	111		19.969.176.401	8.177.809.420
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	5.2	44.459.909.272	46.228.517.414
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		31.085.225.120	33.766.410.903
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		29.872.836.261	26.865.450.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		645.327.891	2.740.136.511
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(17.143.480.000)	(17.143.480.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5.3	5.213.557.617	7.609.806.666
1. Hàng tồn kho	141		5.213.557.617	7.609.806.666
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	5.4	2.618.422.792	2.524.371.210
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		485.178.967	680.358.962
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.991.912.835	1.702.681.258
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		141.330.990	141.330.990
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	31/12/2016	01/01/2016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.072.545.860	88.496.503.797
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		82.413.583.755	87.600.063.955
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	74.289.527.389	79.458.522.513
+ Nguyên giá	222		109.556.439.493	109.616.256.245
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.266.912.104)	(30.157.733.732)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	8.124.056.366	8.141.541.442
+ Nguyên giá	228		8.270.535.169	8.270.535.169
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(146.478.803)	(128.993.727)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
+ Nguyên giá	231		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.027.621	7.027.621
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	23.027.621	7.027.621
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.635.934.484	889.412.221
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	2.635.934.484	889.412.221
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		157.333.611.942	183.037.008.507

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		107.550.448.105	130.555.866.972
I. Nợ ngắn hạn	310		91.350.448.105	110.755.866.972
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	1.750.000.000	3.434.277.200
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	-	89.299.438
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	28.097.980	36.158.754
4. Phải trả người lao động	314	5.11	-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	1.065.761.035	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	245.900.000	249.584.100
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	88.229.193.610	106.914.052.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.15	31.495.480	32.495.480
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		16.200.000.000	19.800.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	16.200.000.000	19.800.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

14
 CHI
 CỔ
 PHẦN
 KIÊN
 GIANG
 AC
 NH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	31/12/2016	01/01/2016
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.783.163.837	52.481.141.535
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		49.783.163.837	52.481.141.535
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.15	44.000.000.000	44.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.000.000.000	44.000.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.15	1.200.000.000	1.200.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.15	5.668.757.813	5.668.757.813
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.15	(1.085.593.976)	1.612.383.722
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	4211		947.042.594	5.071.059.216
+ LNST chưa phân phối kỳ này	4212		(2.032.636.570)	(3.458.675.494)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		157.333.611.942	183.037.008.507

Ngày 07 tháng 02 năm 2017

Người lập



Đào Ngọc Phan

Kế toán trưởng



HUỖNH KIM OANH

Tổng Giám đốc



VÕ TẤN HIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. Minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	675.157.502.059	965.423.557.384
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	98.720.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	675.058.782.059	965.423.557.384
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	632.683.566.867	911.024.673.479
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.375.215.192	54.398.883.905
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.458.617.299	3.278.503.252
7. Chi phí tài chính	22	6.4	7.468.407.291	16.862.203.124
Trong đó, chi phí lãi vay	23		6.222.043.950	9.915.905.502
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	32.979.872.317	37.996.915.083
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	7.936.572.288	9.283.784.132
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.551.019.405)	(6.465.515.182)
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.529.582.135	4.528.272.786
12. Chi phí khác	32	6.8	11.199.300	144.536.312
13. Lợi nhuận khác	40		1.518.382.835	4.383.736.474
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.032.636.570)	(2.081.778.708)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.032.636.570)	(2.081.778.708)

Ngày 07 tháng 02 năm 2017

Người lập

Đào Ngọc Phan

Kế toán trưởng

HUỲNH KIM OANH

Tổng Giám đốc



VŨ TẤN HIỆP

50-002
 HÁNH
 3 TY
 HỮU H
 TOÁN
 HIỆT
 HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.032.636.570)	(2.081.778.708)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02	5.5 & 5.6	5.379.949.000	5.327.538.838
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		82.528.494	39.046.012
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	7.1	(148.323.482)	(121.505.891)
Chi phí lãi vay	06		6.222.043.950	9.915.905.502
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.503.561.392	13.079.205.753
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.304.505.322	59.932.259.316
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.396.249.049	26.573.672.957
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(2.061.976.698)	1.087.178.751
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.959.160.833)	560.563.781
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	6.4	(6.222.043.950)	(9.915.905.502)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(14.200.000)	(133.630.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		3.946.934.282	91.183.345.056
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(610.764.000)	(3.517.418.150)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	81.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.3	148.323.482	165.823.993
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(462.440.518)	(3.269.775.975)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		517.432.580.997	755.883.642.316
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(539.126.914.842)	(857.207.677.416)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.192.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.694.333.845)	(102.516.355.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(18.209.840.081)	(14.602.786.019)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	38.177.809.420	52.800.410.295
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.207.062	(19.814.856)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.1	19.969.176.401	38.177.809.420

Ngày 07 tháng 02 năm 2017

Người lập



Đào Ngọc Phan

Kế toán trưởng



HUỖNH KIM OANH

Tổng Giám đốc



VŨ TẤN HIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Kinh doanh Nông sản Kiên Giang tiền thân là Xí nghiệp Chế biến Nông sản xuất khẩu trực thuộc Công ty Du lịch Thương mại Kiên Giang chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Quyết định 2762/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000122 ngày 18 tháng 01 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 2 số 1700566610 ngày 19 tháng 05 năm 2011, Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29 tháng 11 năm 2013, Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 04 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 5: 44.000.000.000 đồng.

Vốn kinh doanh thực tế đã góp đến ngày 31/12/2016: 44.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 12 Lý Tự Trọng, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây xát. Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (không kinh doanh thuốc trừ sâu và hóa chất). Bán buôn bao bì xuất nhập khẩu các loại. Bán buôn cà phê, chè, thủy sản, rau, quả. Bán buôn sắt thép. Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa). Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan. Bán buôn than đá và các nhiên liệu rắn khác. Đại lý, môi giới.

2. Niên độ kế toán đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá mua vào tại các ngân hàng doanh nghiệp mở tài khoản giao dịch vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được tính vào chi phí hoặc thu nhập khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

30/ C
CH
KI
SA
4N

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
+ Máy móc thiết bị	17 - 22 năm
+ Phương tiện vận tải	12 - 22 năm
+ Thiết bị văn phòng	5 - 12 năm
+ Tài sản cố định vô hình	10 - 12 năm

4.5. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ như sau:

- + Không quá một năm đối với những công cụ, dụng cụ thuộc nhóm vật rẻ tiền mau hỏng.
- + Từ 2 năm đến 3 năm đối với công cụ, dụng cụ có giá trị lớn thời gian hữu dụng dài trên 2 năm.

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương ứng với thời gian hiệu lực hợp đồng.

4.7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ phải trả xác định nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận về một tài sản tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn góp chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian mười lăm năm (từ năm 2008 đến năm 2022) và chịu thuế suất 22% kể từ năm 2023.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 (bốn) năm kể từ năm kinh doanh có lãi và được giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Năm 2016 là năm thứ năm doanh nghiệp được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

4.11. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh trong kỳ kế toán không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Các khoản chi phí và doanh thu do nó tạo ra được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	77.152.058	76.346.403
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (a)	19.892.024.343	8.101.463.017
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	30.000.000.000
Cộng	<u>19.969.176.401</u>	<u>38.177.809.420</u>

(a) Chi tiết tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn:

	31/12/2016	
Tiền gửi ngân hàng - VNĐ	19.538.432.467	
Tiền gửi ngân hàng - USD	353.591.876	# 15.574,41 USD
Cộng	<u>19.892.024.343</u>	

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Phải thu khách hàng (b)	31.085.225.120	33.766.410.903
Trả trước cho người bán	29.872.836.261	26.865.450.000
Các khoản phải thu khác (c)	645.327.891	2.740.136.511
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (d)	<u>(17.143.480.000)</u>	<u>(17.143.480.000)</u>
Cộng	<u>44.459.909.272</u>	<u>46.228.517.414</u>

(b) Chi tiết số dư phải thu khách hàng

	31/12/2016	
EAST ORIENT LLC SINGAPORE	6.267.960.000	# 276.000,00 USD
INTERRA INTERNATIONNAL. LLC	4.652.824.800	# 204.880,00 USD
SOON LAN TRADING CO, LTD	15.215.880.380	# 670.000,00 USD
Khách hàng khác	<u>4.948.559.940</u>	
Cộng	<u>31.085.225.120</u>	

(c) Chi tiết số dư phải thu khác

	31/12/2016	
Các khoản phải thu khác	516.245.714	Dư nợ TK 1388
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	<u>129.082.177</u>	Dư nợ TK 141
Cộng	<u>645.327.891</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

(d) Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Dư nợ gốc	Số đã trích dự phòng	Số phải trích theo quy định	Số trích thiếu
Công ty TNHH Gia Phúc Hưng	770.000.000	763.000.000	770.000.000	7.000.000
DNTN Thành Phước	1.192.500.000	596.250.000	1.192.500.000	596.250.000
DNTN Hiệp Hòa	22.548.900.000	15.784.230.000	22.548.900.000	6.764.670.000
Cộng nhóm TK 331 dư nợ	24.511.400.000	17.143.480.000	24.511.400.000	7.367.920.000
DNTN Thành Phước	5.000.000	-	3.500.000	3.500.000
Công ty TNHH Đức Lợi	200.000	-	140.000	140.000
Bùi Hồng Điệp	60.000.000	-	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Văn Dương	20.000.000	-	20.000.000	20.000.000
Cộng nhóm TK 1388	85.200.000		83.640.000	83.640.000
Cộng	24.596.600.000	17.143.480.000	24.595.040.000	7.451.560.000

5.3. Hàng tồn kho

	31/12/2016	01/01/2016
Trấu nguyên liệu	3.399.098	-
Công cụ dụng cụ tồn kho	98.732.722	352.604.866
Gạo thành phẩm	5.111.425.797	391.601.800
Hàng hóa	-	6.865.600.000
Cộng	5.213.557.617	7.609.806.666

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí trả trước ngắn hạn - CCDC chờ phân bổ	485.178.967	680.358.962
Thuế GTGT được khấu trừ	1.991.912.835	1.702.681.258
Thuế TNDN nộp thừa	141.330.990	141.330.990
Cộng	2.618.422.792	2.524.371.210

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	<u>52.272.845.491</u>	<u>47.226.342.640</u>	<u>10.016.698.994</u>	<u>100.369.120</u>	<u>109.616.256.245</u>
Tăng mua sắm	-	460.284.000	73.750.000	-	534.034.000
Tăng do XDCB	60.730.000	-	-	-	60.730.000
Giảm do mất cắp	-	118.140.000	14.550.000	-	132.690.000
Giảm chuyển sang CCDC	413.241.849	-	108.648.903	-	521.890.752
Số dư cuối kỳ	<u>51.920.333.642</u>	<u>47.568.486.640</u>	<u>9.967.250.091</u>	<u>100.369.120</u>	<u>109.556.439.493</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

II. GIÁ TRỊ HAO MÒN

Số dư đầu kỳ	<u>9.737.738.098</u>	<u>16.313.406.730</u>	<u>4.035.289.710</u>	<u>71.299.194</u>	<u>30.157.733.732</u>
Khấu hao tăng	1.873.836.982	2.708.682.362	767.276.384	12.668.196	5.362.463.924
Giảm do mất cắp	-	68.521.200	8.439.000	-	76.960.200
Giảm chuyển sang CCDC	102.986.057	-	73.339.295	-	176.325.352
Số dư cuối kỳ	<u>11.508.589.023</u>	<u>18.953.567.892</u>	<u>4.720.787.799</u>	<u>83.967.390</u>	<u>35.266.912.104</u>

III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm	<u>42.535.107.393</u>	<u>30.912.935.910</u>	<u>5.981.409.284</u>	<u>29.069.926</u>	<u>79.458.522.513</u>
Tại ngày cuối năm	<u>40.411.744.619</u>	<u>28.614.918.748</u>	<u>5.246.462.292</u>	<u>16.401.730</u>	<u>74.289.527.389</u>

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng Cộng
I. NGUYÊN GIÁ TSCĐ				
Số dư đầu kỳ	8.084.451.256	85.902.095	100.181.818	8.270.535.169
Tăng trong kỳ				
Số dư cuối kỳ	<u>8.084.451.256</u>	<u>85.902.095</u>	<u>100.181.818</u>	<u>8.270.535.169</u>
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu kỳ	-	64.710.352	64.283.375	128.993.727
Khấu hao tăng trong năm	-	8.590.210	8.894.867	17.485.076
Số dư cuối kỳ	-	<u>73.300.562</u>	<u>73.178.242</u>	<u>146.478.803</u>
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	<u>8.084.451.256</u>	<u>21.191.743</u>	<u>35.898.443</u>	<u>8.141.541.442</u>
Tại ngày cuối năm	<u>8.084.451.256</u>	<u>12.601.534</u>	<u>27.003.577</u>	<u>8.124.056.366</u>

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
Chi xây dựng cơ bản dở dang	<u>23.027.621</u>	<u>7.027.621</u>
Cộng	<u>23.027.621</u>	<u>7.027.621</u>

5.8. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí trả trước dài hạn - công cụ dụng cụ	<u>2.635.934.484</u>	<u>889.412.221</u>
Cộng	<u>2.635.934.484</u>	<u>889.412.221</u>

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	31/12/2016	01/01/2016
Phải trả người bán _ Công ty CP Hiệp Thanh	<u>1.750.000.000</u>	<u>3.434.277.200</u>
Người mua trả tiền trước	<u>-</u>	<u>89.299.438</u>
Cộng	<u>1.750.000.000</u>	<u>3.523.576.638</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	36.158.754	49.501.756	57.562.530	28.097.980
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	18.376.320	18.376.320	-
Thuế môn bài	-	7.500.000	7.500.000	-
Cộng	36.158.754	75.378.076	83.438.850	28.097.980

5.11. Phải trả người lao động

	Quỹ lương CNV	Quỹ lương BGD	Cộng
Số dư năm trước chuyển sang	(652.141.124)	-	(652.141.124)
Xử lý số đã chi thừa	652.141.124	-	652.141.124
Quỹ lương đã trích trong năm	4.474.744.588	502.700.000	4.977.444.588
Số đã chi trả	(4.474.744.588)	(502.700.000)	(4.977.444.588)
Số dư đến 31/12/2016	-	-	-

5.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Trích trước chi phí xuất khẩu gạo	1.065.761.035	-
Cộng	1.065.761.035	-

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2016	01/01/2016
Các khoản phải trả khác (e)	245.900.000	249.584.100
Cộng	245.900.000	249.584.100

(e) Chi tiết các khoản phải trả khác:

	31/12/2016
Cổ tức phải trả_Công ty TNHH MTV Du Lịch Thương mại Kiên Giang	245.900.000
Cộng	245.900.000

5.14. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	88.229.193.610	88.229.193.610	106.914.052.000	106.914.052.000
Vay dài hạn	16.200.000.000	16.200.000.000	19.800.000.000	19.800.000.000
Cộng	104.429.193.610	104.429.193.610	126.714.052.000	126.714.052.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.14.1 Vay ngắn hạn

Khoản mục	Số dư đầu năm	Trả trong năm	Vay trong năm	Số dư cuối năm
Vay ngắn hạn	106.914.052.000	535.526.914.842	517.532.331.545	88.229.193.610
Chênh lệch tỷ giá	-	790.025.641	99.750.548	-
Cộng	106.914.052.000	536.316.940.483	517.632.082.093	88.229.193.610

- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN KG theo các Giấy nhận nợ sau:

Giấy nhận nợ	Ngày vay	Ngày đến hạn	Lãi suất	USD	31/12/2016
0135/16/0361/RG/12	10/10/2016	10/01/2017	3,5%/năm	91.510,00 #	2.078.192.100
0135/16/0361/RG/15	14/10/2016	14/01/2017	3,5%/năm	97.300,00 #	2.209.683.000
0135/16/0361/RG/18	21/10/2016	21/01/2017	3,5%/năm	75.781,00 #	1.720.986.510
0135/16/0361/RG/21	11/11/2016	11/02/2017	3,5%/năm	6.700,00 #	152.157.000
0135/16/0361/RG/23	25/11/2016	27/02/2017	3,5%/năm	133.770,00 #	3.037.916.700
0135/16/0361/RG/25	29/11/2016	28/02/2017	3,5%/năm	39.100,00 #	887.961.000
0135/16/0361/RG/26	05/12/2016	05/03/2017	3,5%/năm	195.580,00 #	4.441.621.800
0135/16/0361/RG/27	12/12/2016	12/03/2017	3,5%/năm	125.000,00 #	2.838.750.000
0135/16/0361/RG/29	14/12/2016	14/03/2017	3,5%/năm	65.900,00 #	1.496.589.000
0135/16/0361/RG/31	19/12/2016	19/03/2017	3,5%/năm	65.800,00 #	1.494.318.000
0135/16/0361/RG/33	26/12/2016	26/03/2017	3,5%/năm	170.600,00 #	3.874.326.000
0135/16/0361/RG/34	28/12/2016	28/03/2017	3,5%/năm	325.000,00 #	7.380.750.000
0128/16/0361/RG/06	05/09/2016	05/01/2017	6,9%/năm	-	2.550.000.000
0128/16/0361/RG/07	06/09/2016	06/01/2017	6,9%/năm	-	3.000.000.000
0128/16/0361/RG/08	07/09/2016	07/01/2017	6,9%/năm	-	3.700.000.000
0128/16/0361/RG/09	08/09/2016	08/01/2017	6,9%/năm	-	2.200.000.000
0128/16/0361/RG/10	09/09/2016	09/01/2017	6,9%/năm	-	3.450.000.000
0135/16/0361/RG/13	10/10/2016	10/01/2017	6,9%/năm	-	1.070.000.000
0135/16/0361/RG/14	12/10/2016	12/01/2017	6,9%/năm	-	3.572.000.000
0135/16/0361/RG/22	14/11/2016	12/01/2017	6,6%/năm	-	320.000.000
0135/16/0361/RG/24	29/11/2016	29/02/2017	6,9%/năm	-	1.250.000.000
0135/16/0361/RG/28	13/12/2016	13/03/2017	6,9%/năm	-	300.000.000
0135/16/0361/RG/30	16/12/2016	13/02/2017	6,6%/năm	-	450.000.000
0135/16/0361/RG/32	20/12/2016	20/03/2017	6,9%/năm	-	4.260.000.000
Cộng				1.392.041,00	57.735.251.110

Tổng giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là 29.112.000.000 VND theo Hợp đồng số 0489^B/14/BD01/RG ngày 04/12/2014, Hợp đồng thế chấp tài sản số 0001^B/13/0361/RG ngày 03/10/2013 và Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 0001^B/12/0361/RG ngày 09/02/2012 (kèm Biên bản định giá tài sản bảo đảm ngày 03/06/2013).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – CN Kiên Giang theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 001/2016/HĐHM-PN/SHB.130600 ngày 29/01/2016. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng hoặc USD tương đương. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng là 12 tháng với lãi suất cho vay theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể:

Khế ước nhận nợ	Ngày vay	Ngày đến hạn	Lãi suất	USD	31/12/2016
06-001/2016/HDHM	20/12/2016	20/02/2017	3,2%/năm	21.750,00 #	493.942.500
07-001/2016/HDHM	26/12/2016	26/03/2017	7,0%/năm	-	11.000.000.000
08-001/2016/HDHM	30/12/2016	30/03/2017	7,0%/năm	-	19.000.000.000
Cộng				21.750,00	30.493.942.500

Tổng giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là 46.864.000.000 VND và 244.015 USD theo Hợp đồng thế chấp QSDĐ và tài sản khác gắn liền với đất số 001/2016/HĐTC-PN/SHB.130600 ngày 29/01/2016, Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 083A/2016/HĐTCTL-TC/SHB.130600 ngày 20/12/2016 và số 084/2016/HĐTCTL-TC/SHB.130600 ngày 26/12/2016, Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 083B/2016/TCQĐN/SHB.130600 ngày 20/12/2016.

5.14.2 Vay dài hạn

Khoản mục	Số dư đầu năm	Trả trong năm	Vay trong năm	Số dư cuối năm
Vay dài hạn	19.800.000.000	3.600.000.000	-	16.200.000.000

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kiên Giang theo hợp đồng tín dụng 0489/14/BD01/RG ngày 04/12/2014 với mục đích đầu tư mua nhà máy chế biến gạo xuất khẩu tại An Giang (phân xưởng 6), số tiền vay 21.600.000.000 đồng, thời hạn cho vay 84 tháng, lãi suất 10,00%/năm (theo Phụ lục số 01PL/CV1139 ngày 01/05/2016). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai theo hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 236/HĐMB-VS ngày 31/10/2014, hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0489B/14/BD01/RG và số 0489B1/14/BD01/RG ngày 04/12/2014, cụ thể như sau: quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất trị giá 15.707.000.000 đồng, máy móc thiết bị sản xuất gạo xuất khẩu trị giá 11.293.000.000 đồng.

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	44.000.000.000	1.200.000.000	1.612.383.722	46.812.383.722
Lợi nhuận giảm trong kỳ	-	-	(2.032.636.570)	(2.032.636.570)
Bù đắp quỹ lương chi vượt	-	-	(652.141.128)	(652.141.128)
Chi khác	-	-	(13.200.000)	(13.200.000)
Số dư cuối năm	44.000.000.000	1.200.000.000	(1.085.593.976)	44.114.406.024

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.15.2. Tình hình góp vốn điều lệ

Thành viên góp vốn

	Vốn góp thực tế đến 31/12/2016	
	Số cổ phần	Giá trị
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	1.344.300	13.443.000.000
Ông Trịnh Quang Tiến	983.600	9.836.000.000
Vốn các cổ đông cá nhân	2.072.100	20.721.000.000
Cộng	4.400.000	44.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 5: 44.000.000.000 đồng. đến thời điểm 31/12/2016 doanh nghiệp đã góp đủ vốn điều lệ.

5.15.3. Tình hình tăng giảm các quỹ

	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khen thưởng BĐH	Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Số dư đầu năm nay	5.668.757.813	15.693.608	16.801.872
Chuyển quỹ khen thưởng BĐH sang quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(15.693.608)	15.693.608
Chi quỹ	-	-	(1.000.000)
Số dư cuối năm nay	5.668.757.813	-	31.495.480

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán gạo	606.413.136.478	787.925.606.208
Doanh thu bán phụ phẩm	26.718.608.616	51.326.712.417
Doanh thu phí dịch vụ	870.316.965	3.819.960.259
Doanh thu bán hàng nội bộ	41.155.440.000	122.351.278.500
Cộng doanh thu	675.157.502.059	965.423.557.384
Giảm giá hàng bán	98.720.000	-
Doanh thu thuần	675.058.782.059	965.423.557.384

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn hàng bán	632.683.566.867	911.024.673.479
Cộng	632.683.566.867	911.024.673.479
<i>Trong đó: giá vốn hàng bán nội bộ</i>	<i>41.155.440.000</i>	<i>122.351.278.500</i>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi	148.323.482	165.823.993
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.310.293.817	3.112.679.259
Cộng	2.458.617.299	3.278.503.252

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi vay	6.222.043.950	9.915.905.502
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.163.834.847	6.907.251.610
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	82.528.494	39.046.012
Cộng	7.468.407.291	16.862.203.124

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân viên	3.718.435.451	5.388.873.550
Chi phí bao bì, công cụ dụng cụ	9.334.406.476	10.304.099.252
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.672.389	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.701.299.768	20.632.054.586
Chi phí khác	1.140.058.233	1.671.887.695
Cộng	32.979.872.317	37.996.915.083

6.6. Chi phí quản lý

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân viên	1.237.765.014	409.692.549
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	878.463.782	1.457.196.895
Chi phí hành chính	46.749.117	75.806.422
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.804.002.135	3.914.491.998
Chi phí thuế phí, lệ phí	49.257.852	77.729.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	791.958.792	1.727.649.745
Chi phí khác bằng tiền	1.128.375.596	1.621.217.371
Cộng	7.936.572.288	9.283.784.132

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	81.818.182
Thu tiền thưởng giải phóng tàu nhanh, thu phạt tàu	-	362.009.600
Thu hỗ trợ lãi suất vay tạm trữ gạo	-	3.847.975.000
Thu bồi thường hợp đồng, tổn thất tài sản	1.443.810.200	-
Xử lý hàng thừa, thiếu kiểm kê	73.920.135	235.605.494
Thu nhập khác	11.851.800	864.510
Cộng	1.529.582.135	4.528.272.786

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.8. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	-	126.136.284
Chi bồi thường	11.112.300	-
Chi phí chờ tàu do giao hàng chậm	-	17.423.745
Chi phí khác, chi phạt thuế	87.000	976.283
Cộng	11.199.300	144.536.312

6.9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.032.636.570)	(2.081.778.708)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Lãi CLTG đánh giá lại số dư cuối kỳ các khoản mục tiền và phải thu năm trước, năm nay chưa hoàn nhập	15.397.737	178.687.527
Lỗ CLTG đánh giá lại số dư cuối kỳ các khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	-	76.151.549
Chi phí bị phạt hành chính và bị phạt về thuế	87.000	600.000
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Lỗ CLTG đánh giá lại số dư cuối kỳ các khoản mục tiền và phải thu năm trước, năm nay chưa hoàn nhập	(76.151.549)	-
Lãi CLTG đánh giá lại số dư cuối kỳ các khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	(17.222.054)	(15.397.737)
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.110.525.436)	(1.841.737.369)
Trong đó:		
Thu nhập khác chịu thuế theo thuế suất phổ thông	-	-
Thu nhập chính chịu thuế _theo thuế suất 10%	(2.110.525.436)	(1.841.737.369)
Thuế TNDN từ hoạt động chính	-	-
Thuế TNDN được miễn 50% giảm theo Giấy phép thành lập	-	-
Thuế TNDN hoạt động chính đã trừ miễn giảm (1)	-	-
Thuế TNDN thu nhập khác (2)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	-	-

7. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

7.1. Lãi, lỗ hoạt động đầu tư

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng	148.323.482	165.823.993
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	81.818.182
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	-	(126.136.284)
Cộng	148.323.482	121.505.891

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NÔNG SẢN KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

8. Vấn đề khác

8.1. Chuyển nhượng vốn

Trong năm có phát sinh chuyển nhượng vốn như sau: Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang chuyển nhượng toàn bộ 983.600 cổ phần cho ông Trịnh Quang Tiến theo giá chuyển nhượng là 7.000 đồng/cổ phần.

8.2. Các vấn đề còn trong giai đoạn tranh chấp, kiện tụng

Ngày 29/09/2016 Tòa án Nhân dân tỉnh Kiên Giang đã công bố Bản án 11/2016/KDTM-PT xét xử vụ việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty cổ phần Kinh doanh Nông sản Kiên Giang và Công ty TNHH Song Thuận. Tòa tuyên án buộc Công ty TNHH Song Thuận phải trả cho Công ty cổ phần Kinh doanh Nông sản Kiên Giang 956.049.497 đồng. Đến thời điểm 31/12/2016 do chưa nhận được quyết định thi hành án và chưa thu được tiền bồi thường nên Công ty chưa ghi nhận khoản phải thu này vào báo cáo tài chính năm hiện hành.

Kiên Giang, Ngày 07 tháng 02 năm 2017

Người lập



Đào Ngọc Phan

Kế toán trưởng



HUỖNH KIM OANH

Giám đốc



VÕ TẤN HIỆP